

4. Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất¹⁰²

4.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính

TT	Trình tự thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết
Bước 1	Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:	<p>Hồ sơ được nộp theo một trong các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện có bảo đảm đến <i>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</i> trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã; * Nộp hồ sơ qua hệ thống đăng ký trực tuyến: <ul style="list-style-type: none"> - Người yêu cầu đăng nhập vào cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ https://dichvucong.gov.vn hoặc Dịch vụ công tỉnh Đồng Tháp https://dichvucong.dongthap.gov.vn, chọn cơ quan có thẩm quyền thực hiện. - Người yêu cầu thực hiện ghi các thông tin trong <i>Phiếu yêu cầu đăng ký và chuyển hồ sơ thành file ảnh hoặc pdf để nộp qua hệ thống đăng ký trực tuyến.</i> * <i>Nộp hồ sơ qua thư điện tử (Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua thư điện tử đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất chỉ thực hiện trong trường hợp pháp luật về đất đai có quy định và Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai).</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; - Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc.
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính	<p>Viên chức được phân công tiếp nhận hồ tại <i>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</i> xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định viên chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo 	Chuyển ngay hồ sơ tiếp nhận trong ngày làm việc (<i>không để quá 01 (một) giờ làm việc</i>) hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày.

¹⁰² Thay theo Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư pháp (Phần in nghiêng là nội dung thay đổi).

TT	Trình tự thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết
		<p>mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ qua tài khoản DVC hoặc qua điện thoại và email;</p> <p>- Trường hợp từ chối nhận hồ sơ công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính gửi qua tài khoản DVC hoặc qua điện thoại và email;</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, viên chức tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả, hướng dẫn người yêu cầu cách nộp lệ phí và giấy tờ cần đem theo khi nhận kết quả; <i>đồng thời, chuyển cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để giải quyết theo quy trình.</i></p> <p><i>* Trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã thì thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký được tính từ ngày Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai nhận hồ sơ do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã chuyển đến.</i></p>	
<p>Bước 3</p>	<p>Giải quyết thủ tục hành chính</p>	<p>Sau khi nhận hồ sơ thủ tục hành chính từ <i>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</i>, phòng chuyên môn Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>a) Trường hợp không quy định thẩm tra, xác minh</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếp nhận hồ sơ (Bộ phận TN&TKQ) 2. Giải quyết hồ sơ (phòng chuyên môn), trong đó: <p>+ Chuyên viên: + Lãnh đạo phòng chuyên môn: + Lãnh đạo cơ quan: + Văn thư:</p> <p>b) Trường hợp có quy định phải thẩm tra, xác minh hồ sơ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếp nhận hồ sơ (Bộ phận TN&TKQ) 	<p>Trong ngày làm việc trong trường hợp không thẩm tra, xác minh, 03 ngày làm việc trong trường hợp thẩm tra, xác minh</p> <p>Trong ngày làm việc</p> <p>0,5 giờ 7,5 giờ</p> <p>4,5 giờ 1,5 giờ 01 giờ 0,5 giờ</p> <p>03 ngày làm việc</p> <p>0,5 ngày</p>

TT	Trình tự thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết
		2. Giải quyết hồ sơ (phòng chuyên môn), trong đó: + Chuyên viên: + Lãnh đạo phòng chuyên môn: + Lãnh đạo cơ quan: + Văn thư:	2,5 ngày 01 ngày 0,5 ngày 0,5 ngày 0,5 ngày
Bước 4	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính	<p>- Trả kết quả đăng ký tại <i>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</i>, Công chức tiếp nhận và trả kết quả nhập vào sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử thực hiện như sau:</p> <p>+ Thông báo cho Cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân. biết trước qua tin nhắn, thư điện tử, điện thoại hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đối với hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn quy định.</p> <p>+ Cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân. nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian, địa điểm ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (xuất trình giấy hẹn trả kết quả). Công chức trả kết quả kiểm tra phiếu hẹn và yêu cầu người đến nhận kết quả ký nhận vào sổ và trao kết quả.</p> <p>+ Trường hợp nhận kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích. (đăng ký theo hướng dẫn của Bưu điện) (nếu có).</p> <p>- Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo thông tin phản hồi (thư điện tử, tin nhắn) của Công Dịch vụ công của Tỉnh hoặc Công dịch vụ công Quốc gia, khi đi mang theo hồ sơ gốc để đối chiếu và nộp lại cho cán bộ tiếp nhận hồ sơ.</p>	<p>- Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; - Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc.</p>

4.2. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Hồ sơ đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm (Điều 34 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

(1) *Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 04a tại Phụ lục (01 bản chính).*

(2) *Văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm (01 bản chính).*

(3) *Trường hợp đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm thì hồ sơ đăng ký là Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 04a tại Phụ lục (01 bản chính).*

(II) *Tùy từng trường hợp thì nộp thêm:*

(i) *Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

(ii) *Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

(iii) *Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

4.3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: *Cơ quan, tổ chức, cá nhân.*

4.4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: *Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.*

Cơ quan phối hợp: *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.*

4.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: *Phiếu yêu cầu đăng ký có chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Trường hợp thành phần hồ sơ đăng ký có bản gốc hoặc bản chính Giấy chứng nhận thì trả Giấy chứng nhận.*

4.6. Phí, lệ phí:

- Phí Đăng ký giao dịch bảo đảm lần đầu : 80.000 đồng/hồ sơ.

- Đối tượng không thu phí: Hộ gia đình, cá nhân khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](#) ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.

4.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Phiếu yêu cầu đăng ký, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 04a ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

4.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

4.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điều 95 ,96, 97 Luật đất đai năm 2013, có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

- Điều 147 Luật nhà ở năm 2014, có hiệu lực từ ngày 01/7/2015;

- Điều 12, 13 Luật phí và lệ phí năm 2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

- *Điều 8, 12, 24, 34 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, có hiệu lực ngày 15/01/2023;*

- Điều 18, 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

- Điều 5, 6, 7, 8 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở, có hiệu lực từ ngày 10/12/2015;

- Khoản 20, khoản 24 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, có hiệu lực từ ngày 03/3/2017;

- *Điều 5 Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí trong lĩnh vực giao dịch bảo đảm, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;*

- Điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND, ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, có hiệu lực từ ngày 01/9/2021;

- Thông tư số 01/2024/TT-BTP ngày 01/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc bãi bỏ một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về đăng ký biện pháp bảo đảm.

4.10. Lưu hồ sơ (ISO):

Thành phần hồ sơ lưu	Bộ phận lưu trữ	Thời gian lưu
<ul style="list-style-type: none"> - Như mục 4.2; - Kết quả giải quyết TTHC hoặc Văn bản trả lời của đơn vị đối với hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện. - Hồ sơ thẩm định (nếu có) - Văn bản trình cơ quan cấp trên (nếu có) 	Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai	Từ 01 (một) năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của đơn vị.
Các biểu mẫu theo Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị có liên quan	

***Ghi chú:** Sửa đổi Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính theo Thông tư số 01/2024/TT-BTP ngày 01/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc bãi bỏ một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về đăng ký biện pháp bảo đảm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc <hr/>, ngày tháng năm PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, XÓA ĐĂNG KÝ THÔNG BÁO XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM LÀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT Kính gửi ¹⁰⁴ :	PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ Vào Sổ tiếp nhận hồ sơ: <i>Quyển số</i> <i>Số thứ tự</i> Người tiếp nhận <i>(Ký và ghi rõ họ, tên)</i>
---	--

PHẦN KÊ KHAI CỦA BÊN NHẬN BẢO ĐẢM
1. Người yêu cầu đăng ký <input type="checkbox"/> Bên nhận bảo đảm <input type="checkbox"/> Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện ¹⁰⁵ Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân ¹⁰⁶ /tên đầy đủ đối với tổ chức ¹⁰⁷ : <i>(viết chữ IN HOA)</i> Địa chỉ để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết: Họ và tên: Số điện thoại: Fax <i>(nếu có)</i> : Thư điện tử <i>(nếu có)</i> :
2. Hợp đồng bảo đảm:; số <i>(nếu có)</i> Thời điểm có hiệu lực ¹⁰⁸ : ngày tháng năm
3. Bên bảo đảm¹⁰⁹ 3.1. Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân ¹¹⁰ /tên đầy đủ đối với tổ chức ¹¹¹ : <i>(viết chữ IN HOA)</i> 3.2. Địa chỉ: 3.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý ¹¹² <input type="checkbox"/> Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Chứng minh quân đội <input type="checkbox"/> Hộ chiếu <input type="checkbox"/> Thẻ thường trú <input type="checkbox"/> Mã số thuế Số: Cơ quan cấp:, ngày tháng năm..... 3.4. Số điện thoại <i>(nếu có)</i> : Fax <i>(nếu có)</i> : Thư điện tử <i>(nếu có)</i> :

¹⁰³ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ.

¹⁰⁴ Ghi đúng tên cơ quan đăng ký có thẩm quyền. Một Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký.

¹⁰⁵ Trường hợp này, đánh dấu đồng thời ô Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện và ô Bên nhận bảo đảm.

¹⁰⁶ Kê khai theo thông tin thể hiện trên Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch.

¹⁰⁷ Kê khai theo thông tin thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế (áp dụng cả trong trường hợp kê khai đối với chi nhánh).

¹⁰⁸ Kê khai ngày công chứng, chứng thực (áp dụng đối với hợp đồng được công chứng, chứng thực); ngày có hiệu lực theo thỏa thuận trong hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực); ngày ký hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực và các bên không có thỏa thuận về ngày có hiệu lực trong hợp đồng).

¹⁰⁹ Trường hợp gồm nhiều người thì kê khai từng người theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này.

¹¹⁰ (Xem chú thích 4).

¹¹¹ (Xem chú thích 5).

¹¹² Kê khai thông tin về một trong các loại giấy tờ: Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch; Mã số thuế đối với tổ chức.

4. Bên nhận bảo đảm¹¹³4.1. Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân¹¹⁴/tên đầy đủ đối với tổ chức¹¹⁵: (viết chữ IN HOA)

.....

4.2. Địa chỉ:

.....

4.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý¹¹⁶ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Chứng minh quân đội Mã số thuế

Số:

Cơ quan cấp:, ngày tháng năm

4.4. Số điện thoại (nếu có): Fax (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

5. Tài sản bảo đảm bị xử lý¹¹⁷

.....

.....

6. Lý do xử lý, thời gian và địa điểm xử lý tài sản bảo đảm

6.1. Lý do xử lý:

6.2. Thời gian xử lý:

.....

6.3. Địa điểm xử lý:

.....

7. Đăng ký thay đổi thông báo xử lý tài sản bảo đảm

Nội dung yêu cầu đăng ký thay đổi

.....

8. Xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm **9. Giấy tờ kèm theo¹¹⁸:**

.....

10. Cách thức nhận kết quả đăng ký Nhận trực tiếp tại cơ quan đăng ký Nhận qua dịch vụ bưu chính (ghi rõ tên và địa chỉ người nhận): Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định):

.....

 Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý):

.....

Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này.

¹¹³ (Xem chú thích 7).¹¹⁴ Kê khai theo thông tin thể hiện trên Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; thể hiện trên Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân.¹¹⁵ (Xem chú thích 5).¹¹⁶ Kê khai thông tin về một trong các loại giấy tờ: Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Mã số thuế đối với tổ chức.¹¹⁷ Kê khai thông tin về tài sản bảo đảm bị xử lý thuộc trường hợp đăng ký quy định tại Điều 25 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP phù hợp với tài sản bảo đảm được kê khai tại Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01a và Mẫu số 02a (nếu có đăng ký thay đổi) tại Phụ lục này.¹¹⁸ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

BÊN NHẬN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)
Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)

PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
Cơ quan đăng ký có thẩm quyền: Chứng nhận ¹¹⁹ đã được đăng ký theo nội dung kê khai tại Phiếu yêu cầu này tại thời điểm giờ phút, ngày tháng năm
<i>....., ngày tháng năm</i> NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ <i>(Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh, đóng dấu)</i>

¹¹⁹ Cơ quan đăng ký chứng nhận việc đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm hoặc đăng ký thay đổi thông báo xử lý tài sản bảo đảm hoặc xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm tương ứng với yêu cầu đăng ký.

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác.
2. Đối với phần kê khai có lựa chọn thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng được lựa chọn.
3. Gạch chéo đối với mục không có thông tin kê khai trên Phiếu yêu cầu đăng ký.
4. Thông tin được kê khai, nội dung liên quan trong Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang.